

Bản án số: 390/2025/DS-PT
Ngày: 21/4/2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Bà Lê Thị Hoàng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1533/2024/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1351/2025/QĐPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4564/2025/QĐPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Xuân P**, sinh năm 1963. Địa chỉ: A T, phường T, Quận A, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số B P, phường Z, quận T, Thành phố H (theo Giấy ủy quyền ngày 27/4/2018). (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Trần Nguyệt T1** - Luật sư Công ty Luật TNHH V, thuộc đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Số B P, phường Z, quận T, Thành phố H. (vắng mặt).

- Bị đơn: 1. Ông **Nguyễn Thanh P1**, sinh năm 1970. Nơi cư trú cuối cùng tại: C Đ, Phường Q, quận B, Thành phố H. (vắng mặt).

2. Bà **Bùi Thị Bích L**, sinh năm 1971. Nơi cư trú cuối cùng tại: C Đ, Phường Q, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Bùi Thị Bích L1: Ông **Nguyễn Hiếu N**, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh L và ông **Tiêu Hoàng L2** sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp H, xã H, Thành phố C, tỉnh C (theo Giấy ủy quyền lập ngày 21/4/2025). (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà **Võ Thị Xuân P** - nguyên đơn và bà **Bùi Thị Bích L** - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2015 và các lời khai của nguyên đơn Võ Thị Xuân P và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa như sau:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P1 và bà Bùi Thị Bích L có nhờ nguyên đơn bà Võ Thị Xuân P đứng ra bảo đảm vay giùm cho họ một số tiền là 1.800.000.000 đồng để kinh doanh. Để làm tin, các bên cùng lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 13/5/2013 tại Phòng Công chứng số F, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ: D N, Phường F, quận B), thời gian cam kết sẽ trả nợ là 6 tháng tức là vào ngày 13/11/2013. Sau đó ông P, bà L có nhờ bà Xuân P mượn thêm 200.000.000 đồng nữa, tổng cộng là 2.000.000.000 đồng và hẹn sau tết Nguyên Đán năm 2014 sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã mượn trên. Và sau rất nhiều lần hứa hẹn, ông P, bà L đi đến thống nhất quyết định sẽ bán tài sản chung là căn nhà C để hoàn trả lại hết toàn bộ số tiền mà bà đã vay giúp họ, nhưng cho đến nay ông P, bà L vẫn chưa thực hiện được lời cam kết đó. Việc ông P lẩn tránh và không có trách nhiệm trong việc trả nợ đã gây cho gia đình bà Xuân P gặp rất nhiều khó khăn, thiệt hại cả về mặt tài chính, sức khỏe lẫn tinh thần. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh P1 và bà Bùi Thị Bích L có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi. Về thời hạn thanh toán: Bà yêu cầu trả đầy đủ làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và tính lãi nếu bị đơn không thanh toán đầy đủ theo quy định của hợp đồng đã thỏa thuận là 1%/năm. Nếu đến giai đoạn thi hành án, bị đơn không thanh toán thì yêu cầu tính lãi 1% như đã thỏa thuận, cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc. Đề nghị tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 28/2016/QĐ-BPKCTT ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Ông Wilson Kenneth G - chồng của bà Võ Thị Xuân P có văn bản cam kết ngày 22/9/2016 được chứng thực tại Phòng Công chứng số F, Thành phố H xác định đây là tài sản riêng của bà Võ Thị Xuân P, thuộc sở hữu riêng của bà P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bà Trần Nguyệt T1 trình bày: Ngày 13/5/2013 bà L, ông P có ký nhận vay bà Xuân P 1.800.000.000 đồng, có công chứng tại Phòng Công chứng số F, Thành phố H. Ngày 20/8/2015, bà L ông P có mượn thêm 200.000.000 đồng, nhưng chỉ có bà

L ký nhận nợ tổng cộng với bà Xuân P số tiền 2.000.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu bà L, ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Xuân P số tiền 2.000.000.000 đồng làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu đến giai đoạn khi thi hành án mà bà L, ông P không thực hiện thì tính lãi 1%/năm.

Bị đơn bà Bùi Thị Bích L trình bày:

Bà L xác nhận bà và ông Nguyễn Thanh P1 khi còn là vợ chồng có vay của bà Võ Thị Xuân P 1.800.000.000 đồng, các bên có làm hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm ngày 13/5/2013, có công chứng chứng thực tại Phòng Công chứng số F, Thành phố H. Tuy nhiên, bà và ông P không có ký nhận tiền, đây là tiền nợ trước đó bà và ông P nợ, cộng dồn ra công chứng thành 1.800.000.000 đồng, trong hợp đồng có ghi tiền lãi 1%/năm, nhưng thực tế bà đã thanh toán tiền lãi 1.611.750.000 đồng (2,5%/tháng), việc trả tiền lãi như trên, do là chỗ thân quen từ nhỏ nên bà đưa trực tiếp cho bà Xuân P, không có giấy tờ chứng minh. Vì vậy bà đề nghị nguyên đơn căn trừ tiền lãi đã trả qua số tiền gốc mà bà còn nợ, để bà thanh toán dần cho bà Xuân P, vì hiện nay bà đã phá sản, kinh tế khó khăn, bà không có tiền, đi làm thuê làm mướn hàng tháng thanh toán cho bà Xuân P từ 300.000-500.000 đồng/tháng. Đối với số tiền 200.000.000 đồng bà ký nhận ngày 20/8/2015, trong tổng số nợ 2.000.000.000 đồng là bao gồm 1.800.000.000 đồng trước đây, là tiền hui và tiền lời bà còn nợ bà Xuân P. Hiện nay kinh tế của bà khó khăn, tuổi đã lớn nên không làm gì ra tiền, bà chỉ làm thuê sống qua ngày và sẽ trả cho bà Xuân P hàng tháng 300.000 đến 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Bà yêu cầu xem xét lại hủy bỏ Quyết định biện pháp áp dụng khẩn cấp tạm thời số 28/2016/QĐ-BPKCTT ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P1 vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Thanh P1, từ khi thụ lý vụ án, lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải và đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh P1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1533/2024/DS-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 203, Điều 227, Điều 271. Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Luật Thi hành án dân sự; Pháp Lệnh số 09/2012/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Xuân P:

- Buộc bị đơn bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Võ Thị Xuân P số tiền 1.800.000.000 đồng.

- Buộc bị đơn bà Bùi Thị Bích L phải thanh toán cho bà Võ Thị Xuân P số tiền 200.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Xuân P đối với nghĩa vụ liên đới của bị đơn ông Nguyễn Thanh P1 đối với số tiền 200.000.000 đồng.

3. Về thời hạn thanh toán: Bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.800.000.000 đồng, bà Bùi Thị Bích L có nghĩa vụ thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho bà Võ Thị Xuân P đầy đủ làm một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi 1%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 phải liên đới nộp án phí số tiền là 66.000.000 đồng. Bà Bùi Thị Bích L còn phải nộp án phí 10.000.000 đồng. Hoàn trả cho bà Võ Thị Xuân P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002617 ngày 11/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 19/8/2024, bị đơn bà Bùi Thị Bích L nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 1533/2024/DS-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Ngày 20/8/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Anh T nộp đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 1533/2024/DS-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo, nguyên đơn bà Võ Thị Xuân P có bà Nguyễn Anh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo đơn kháng cáo, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do là các ghi nhận của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh về yêu cầu của luật sư của nguyên đơn đòi yêu cầu tính lãi đối với bị đơn khi bị đơn không thực hiện thanh toán nợ là sai, không đúng ý chí của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và luật sư. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không có bất kỳ ý kiến nào đề nghị bị đơn thanh toán lãi cho nguyên đơn nếu không thực hiện thanh toán nợ đúng yêu cầu thì tính lãi trong giai đoạn thi hành án là 1%/năm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định lại việc kháng cáo của mình, chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Cấp phúc thẩm giữ nguyên một phần nội dung án sơ thẩm đã tuyên về việc buộc bà Bùi Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh P1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị Xuân P số tiền 1.800.000.000 đồng, bà Bùi Thị Bích L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị Xuân P số tiền 200.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực và sửa một phần bản án sơ thẩm về việc trường hợp bà Bùi Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh P1 không

thực hiện thì phải thanh toán tiền lãi chậm trả cho bà Võ Thị Xuân P theo mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Người kháng cáo, bị đơn bà Bùi Thị Bích L có ông Nguyễn Hiếu N và Tiểu Hoàng L2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bản án dân sự sơ thẩm tuyên buộc bà L phải liên đới với ông Nguyễn Thanh P1 thanh toán số tiền 1.800.000.000 đồng và phải thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho nguyên đơn bà Võ Thị Xuân P là không đúng quy định của pháp luật, không dựa trên tài liệu chứng cứ có liên quan để giải quyết vụ việc. Do đó, rất mong Hội đồng xét xử cấp phúc phẩm một lần nữa xem xét lại Bản án nêu trên để đảm bảo sự công bằng, bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp cho bà.

Bị đơn yêu cầu xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm do Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vào ngày 30/7/2024 và tuyên án ngày 06/8/2024 giữa nguyên đơn là bà Võ Thị Xuân P với bị đơn là bà Bùi Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh P1 để giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020) để tuyên sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bà L không phải liên đới với ông Nguyễn Thanh P1 thanh toán số tiền 1.800.000.000 đồng và bà không phải thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho nguyên đơn theo như Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 28/2016/QĐ-BPKCTT ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bà L và ông Nguyễn Thanh P1.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định bị đơn đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên do bà L và ông Thanh P1 đã ly hôn, đối với khoản nợ chung của hai vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm ở nội dung trách nhiệm liên đới trả nợ của bà L, ông Thanh P1 đối với khoản nợ 1.800.000.000 đồng phải trả cho bà Xuân P, đề nghị xác định tỷ lệ của cá nhân bà L, ông Thanh P1 trong khoản nợ chung 1.800.000.000 đồng, mỗi người $\frac{1}{2}$ để đảm bảo khả năng thanh toán của bà L.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật Dân sự, xét thấy Cấp sơ thẩm giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn không có căn cứ, Viện

kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về Hợp đồng dân sự, cụ thể là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Cấp sơ thẩm căn cứ tại thời điểm thụ lý bị đơn bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 có nơi cư trú cuối cùng tại quận B để xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Cấp sơ thẩm xác định bị đơn ông Nguyễn Thanh P1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến tham gia phiên Tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu chứng cứ, tình tiết khách quan của vụ án và đúng quy định của Bộ luật Dân sự:

Cấp sơ thẩm căn cứ Hợp đồng vay tài sản số công chứng 18539 quyền số 05 ngày 13 tháng 05 năm 2013, tại Phòng Công chứng số F, Thành phố H giữa bên cho vay bà Võ Thị Xuân P, bên vay là bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1, thể hiện bà L, ông P1 vay bà Xuân P số tiền 1.800.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng kể từ ngày 13/5/2013, lãi suất 1%/năm, mục đích vay kinh doanh (Mặt sau trang 3 của Hợp đồng này, bà L, ông P xác nhận đã nhận đủ 1.800.000.000 đồng); Quyết định Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 692/2015/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2015 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà L và ông Thanh P1 đã ly hôn ngày 23/6/2015; và xác nhận nợ ngày 20/8/2015 của bà Bùi Thị Bích L ký ghi họ tên và ghi nội dung: *“Tôi nợ tổng cộng là 02 tỷ (Hai tỷ) những giấy nợ trước đây không có giá trị, tiền hui và tiền lời chưa tính chi đã đóng dùm”* để xác định số tiền 2.000.000.000 đồng bà L ký nhận nợ ngày 20/8/2015 (trong đó bao gồm 1.800.000.000 đồng nợ chung hai vợ chồng và 200.000.000 đồng là khoản nợ riêng của bà L đối với bà Xuân P, không liên quan đến ông Thanh P1 là có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho bà

Võ Thị Xuân P số tiền 200.000.000 đồng và xác định ông Thanh P1, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Xuân P đối với số tiền 1.800.000.000 đồng là nợ chung của ông Thanh P1, bà L và đúng quy định tại Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Bùi Thị Bích L về việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm ở nội dung trách nhiệm liên đới trả nợ của bà L, ông Thanh P1 đối với khoản nợ 1.800.000.000 đồng phải trả cho bà Xuân P, đề nghị xác định tỷ lệ của cá nhân bà L, ông Thanh P1 trong khoản nợ chung 1.800.000.000 đồng, mỗi người $\frac{1}{2}$ để đảm bảo khả năng thanh toán của bà L. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Theo Quyết định Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 692/2015/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2015 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, ông Nguyễn Thanh P1, bà Bùi Thị Bích L khi ly hôn xác định nợ chung không có để trốn tránh trách nhiệm trả nợ của vợ chồng, hai bên không báo cho Tòa án biết về khoản nợ chung để yêu cầu Tòa án xác định, xử lý khoản nợ chung này. Quá trình giải quyết vụ án, ông Thanh P1 vắng mặt nên không xác định được trách nhiệm trả nợ của từng người theo tỷ lệ. Cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Thanh P1, bà Bùi Thị Bích L chịu trách nhiệm liên đới trả khoản nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn là phù hợp. Ông Nguyễn Thanh P1, bà Bùi Thị Bích L nếu có tranh chấp về tỷ lệ thanh toán nợ, các bên có thể khởi kiện tranh chấp với nhau bằng một vụ án khác.

[2.3] Về lãi vay, Hội đồng xét xử nhận thấy Hợp đồng vay tài sản của hai bên tuy có quy định về tiền lãi nhưng do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Cấp sơ thẩm không xem xét về tiền lãi khi xét xử là đúng quy định.

[2.4] Cấp sơ thẩm không chấp nhận trình bày của bị đơn bà L về việc bà L cho rằng bà đã thanh toán tiền lãi gần bằng tiền nợ gốc 1.611.750.000 đồng cho bà Xuân P nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận là đúng quy định. Cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của bà L hàng tháng bà sẽ thanh toán cho bà Xuân P từ 300.000-500.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết số tiền nợ 2.000.000.000 đồng do việc kéo dài thời gian trả nợ sẽ gây khó khăn cho nguyên đơn, không đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn là phù hợp. Cấp sơ thẩm không chấp nhận đề nghị của bị đơn về việc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 28/2016/QĐ-BPKCTT ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đối với bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 để đảm bảo ông Thanh P1, bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định.

[2.5] Đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Xuân P, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý với việc Cấp sơ thẩm xử buộc bà Bùi Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh P1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Võ Thị Xuân P số tiền 1.800.000.000 đồng và bà Bùi Thị Bích L có trách nhiệm trả số nợ 200.000.000 đồng cho bà Xuân P.

- Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc “Trường hợp bà Bùi Thị Bích L và ông Nguyễn Thanh P1 không thực hiện thì phải thanh toán tiền lãi chậm trả cho bà Võ Thị Xuân P theo quy định pháp luật”. Cấp sơ thẩm xác định “Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi 1%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ” là đúng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

“Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Việc Cấp sơ thẩm nhận định: “Trường hợp đến hạn thanh toán sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn bà L không thanh toán, thanh toán không đầy đủ thì phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn theo yêu cầu của nguyên đơn là 1%/năm, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có lợi cho bị đơn bà L, ông P1” là chưa chính xác. Cần xác định là do các đương sự có thỏa thuận về lãi suất nên lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của hai bên.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Cấp sơ thẩm xác định bị đơn bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 66.000.000 đồng đối với số tiền 1.800.000.000 đồng phải trả và bà L phải chịu án phí 10.000.000 đồng đối với khoản tiền bà Bùi Thị Bích L còn phải trả 200.000.000 đồng cho nguyên đơn bà Võ Thị Xuân P là đúng quy định tại Pháp Lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Cấp sơ thẩm ghi căn cứ Pháp Lệnh số 09/2012/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án là chưa chính xác.

Cấp sơ thẩm miễn án phí cho bà P do bà P là người cao tuổi đối với yêu cầu của bà Võ Thị Xuân P không được chấp nhận đối với nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Thanh P1 đối với số tiền 200.000.000 đồng là đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo bà Bùi Thị Bích L phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, bà Võ thị Xuân P là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định pháp luật tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Xuân P và kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Bích L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1533/2024/DS-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 203, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Luật Thi hành án dân sự; Pháp Lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Xuân P:

- Buộc bị đơn bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Võ Thị Xuân P số tiền 1.800.000.000 (Một tỷ tám trăm triệu) đồng.

- Buộc bị đơn bà Bùi Thị Bích L phải thanh toán cho bà Võ Thị Xuân P số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Xuân P đối với nghĩa vụ liên đới của bị đơn ông Nguyễn Thanh P1 đối với số tiền 200.000.000 đồng.

3. Về thời hạn thanh toán: Bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 1.800.000.000 đồng và bà Bùi Thị Bích L có nghĩa vụ thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho bà Võ Thị Xuân P đầy đủ làm một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi 1%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Bích L, ông Nguyễn Thanh P1 phải liên đới nộp án phí số tiền là 66.000.000 (Sáu mươi sáu triệu) đồng. Bà Bùi Thị

Bích L còn phải nộp án phí 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Hoàn trả cho bà Võ Thị Xuân P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002617 ngày 11/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Bùi Thị Bích L phải chịu án phí là 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0029206 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, bà Bùi Thị Ngọc L3 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

- Hoàn lại cho bà Võ thị Xuân P 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0029199 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh do bà Võ Thị Xuân P được miễn án phí.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài